TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 303/2025/DS-PT
Ngày 11- 8- 2025
Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Phương Loan

Các Thẩm phán: Ông Đặng Minh Trung

Ông Nguyễn Thành Lập

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thúy Nguyên, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Bùi Trung Biển - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 207/2025/TLPT-DS ngày 24 tháng 6 năm 2025, về việc " Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 114/2025/DS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 247/2025/QĐ-PT ngày 17 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn S, sinh năm 1964 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (nay là ấp T, xã T, tỉnh Cà Mau).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Vũ P, sinh 1992; CCCD số 096092011029 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau (nay là xã N tỉnh Cà Mau).

- *Bị đơn:*

1. Bà Phạm Thị N, sinh năm 1971; CCCD số 096171005433 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (nay là ấp T, xã T, tỉnh Cà Mau).

2. Ông Hà Thanh S1, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (nay là ấp T, xã T, tỉnh Cà

Mau).

- *Người kháng cáo:* Bà Phạm Thị N là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, ông Phạm Văn S do người đại diện theo ủy quyền ông Phạm Văn S trình bày:

Ông S1 và bà N có hợp đồng mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản của ông S, thỏa thuận khi nào ông S1, bà N thu hoạch tôm sẽ thanh toán cho ông S1. Ngày 28/9/2017, hai bên có chốt công nợ, theo đó ông S1, bà N thiếu ông S 1.758.354.000 đồng, thỏa thuận ra vụ tôm sẽ thanh toán, nhưng sau khi thu hoạch tôm ông S1 và bà N không thanh toán nợ. Nay ông Phạm Văn S yêu cầu ông Hà Thanh S1, bà Phạm Thị N trả lại số tiền là 3.061.628.401 đồng (trong đó tiền gốc là 1.758.354.000 đồng và lãi suất 0,83% từ ngày 28/9/2017 đến nay là 1.303.274.401 đồng).Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, ông Phạm Văn S chỉ yêu cầu ông S1, bà N thanh toán số tiền 1.758.354.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn, bà Phạm Thị N trình bày:

Bà thừa nhận vợ chồng bà có hợp đồng mua thức ăn, thuốc thủy sản của ông Phạm Văn S nhiều năm. Việc mua bán chỉ thỏa thuận miệng, thời hạn thanh toán sau khi bà thu hoạch tôm. Do ông S đã tự ý ngưng thực hiện hợp đồng gây thiệt hại cho ông S1 và bà vì phải ngưng nuôi tôm. Đến ngày 28/9/2017, giữa hai bên chốt nợ số tiền 1.758.354.000 đồng. Ông S1 có ký vào biên nhận chốt nợ. Nay bà thừa nhận còn nợ và đồng ý thanh toán số tiền 1.758.354.000 đồng. Tuy nhiên, bà không đồng ý tính lãi suất và yêu cầu trả dần số tiền trên, ngoài ra không yêu cầu nào khác.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông Hà Thanh S1 vắng mặt, không gửi ý kiến và cũng không có yêu cầu phản tố.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 114/2025/DS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn S. Buộc ông Hà Thanh S1 và bà Phạm Thị N cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông Phạm Văn S số tiền mua thức ăn nuôi tôm và các loại thuốc thủy sản là 1.758.354.000 đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn S về việc yêu cầu tính lãi suất số tiền 1.303.274.401 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thanh toán, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 21 tháng 5 năm 2025, bà Phạm Thị N kháng cáo một phần bản án, yêu cầu Tòa án xem xét buộc ông S tính chiết khấu tiền mua hàng hóa trên tổng số tiền ông S1 và bà N đã mua hàng hóa là 5.947.900.000 đồng. Yêu cầu đối trừ số tiền được chiếc khấu vào số nợ cho vợ chồng bà và không đồng ý chịu án phí dân sự sơ thẩm vì ông S đã vi phạm hợp đồng, tự ngừng việc bán thức ăn thủy sản cho vợ

chồng bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Phạm Thị N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị N. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 114/2025/DS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của bà Phạm Thị N được thực hiện trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Huỳnh Yến D và bà Phạm Thị N có mặt. Ông Hà Thanh S1 có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông S1.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị N, hội đồng xét xử xét thấy:

Bà Phạm Thị N thừa nhận bà cùng chồng bà là ông Hà Thanh S1 có hợp đồng mua bán thức ăn, thuốc thủy sản với ông Phạm Văn S. Bà N thừa nhận vào ngày 28 tháng 9 năm 2017, sau khi kết nợ vợ chồng bà còn nợ ông S số tiền 1.758.354.000 đồng được ông S1 ký tên nhận nợ. Hiện nay, bà N yêu cầu ông S tính chiết khấu trên tổng số tiền vợ chồng bà đã mua thức ăn và thuốc thủy sản với tổng số tiền 5.947.900.000 đồng để đối trừ số nợ hiện nay vợ chồng bà N còn nợ ông S nhưng ông S không thừa nhận tính chiết khấu cho bà N, ông S cho rằng việc đã mua thứa ăn và thuốc thủy sản của vợ chồng bà N với ông không có hợp đồng mua bán, chỉ hợp đồng bằng lời nói, không có thỏa thuận chiết khấu trên số tiền mua hàng hóa cho vợ chồng bà N và ông S1. Do bà N và ông S1 không có chứng cứ chứng minh việc mua hàng hóa của ông S được ông S thỏa thuận chiếc khấu là bao nhiêu phần trăm trên tổng giá trị hàng hóa bà N và ông S1 đã mua của ông S. Do bà N và ông S1 thừa nhận ông S1 đã ghi giấy xác nhận còn nợ của ông S với số tiền 1.758.354.000 đồng vào ngày 28 tháng 9 năm 2017 đến nay chưa trả cho ông S. Do đó, Bản án sơ thẩm buộc ông S1 và bà N trả cho ông S 1.758.354.000 đồng là có cơ sở.

[3] Đối với yêu cầu kháng cáo về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Bà N cho rằng ông S tự ý chấm dứt hợp đồng mua bán đã gây thiệt hại cho vợ chồng bà nên vợ chồng bà không thanh toán nợ cho ông S. Do đó, bà N, ông S không có lỗi nên không phải chịu án phí.

Hội đồng xét xử xét thấy, ông S khởi kiện ông S1, bà N yêu cầu thanh toán nợ của hợp đồng mua bán với số tiền 1.758.354.000 đồng được Tòa án chấp nhận nên bà N và ông S1 cùng có trách nhiệm chịu án phí số tiền 64.750.320 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu

cầu kháng cáo về nghĩa vụ chịu án phí của bà Phạm Thị N.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị N.

[5] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau là phù hợp nên được chấp nhận.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà N không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị N. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 114/2025/DS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau). Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn S.

Buộc ông Hà Thanh S1 và bà Phạm Thị N cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông Phạm Văn S số tiền mua thức ăn nuôi tôm và các loại thuốc thủy sản là 1.758.354.000 đồng (một tỷ bảy trăm năm mươi tám triệu ba trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong đối với tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn S về việc yêu cầu tính lãi suất số tiền 1.303.274.401 đồng (một tỷ ba trăm lẻ ba triệu hai trăm bảy mươi bốn nghìn bốn trăm lẻ một đồng).

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hà Thanh S1 và bà Phạm Thị N phải cùng có trách nhiệm liên đới chịu số tiền 64.750.320 đồng (sáu mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn ba trăm hai mươi đồng), (chưa nộp).

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị N phải chịu 300.000 đồng. Vào ngày 21 tháng 5 năm 2025, bà N đã dự nộp 300.000 đồng, biên lai số 0001179 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án

dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 4 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Phương Loan